

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
**ĐƠN VỊ: KHOA XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN**  
**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Học kỳ 1, năm học 2023-2024**

**I. Thông tin chung**

Tên học phần:	Ngữ pháp nâng cao		
Mã học phần:	71MAW640223	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	231_71MAW640223_01		
Hình thức thi: <b>Trắc nghiệm kết hợp Tự luận</b>	Thời gian làm bài:	<b>70</b>	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không	

**1. Format đề thi**

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ Mã học phần\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TNTL\_De 1

+ Mã học phần\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TNTL\_De 1\_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

**2. Giao nhận đề thi**

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: [khaothivanlang@gmail.com](mailto:khaothivanlang@gmail.com) bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

## II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO2	Vận dụng thuần thực lý thuyết ngữ pháp tiếng Hán hiện đại để phát hiện mối quan hệ về ngữ nghĩa trong câu ghép.	Trắc nghiệm	20%	Câu 1- 10	2	
CLO3	Sử dụng chính xác các loại bỏ ngữ vào việc soạn thảo văn bản tiếng Trung.	Tự luận	30%	Câu 1	2	
CLO4	Hệ thống hóa các cấu trúc ngữ pháp tiếng Trung ở trình độ trung cấp áp dụng vào việc soạn thảo văn bản tiếng Trung.	Tự luận	30%	Câu 2, Câu 3	4	
CLO5	Thể hiện ý thức học tập, không ngừng trau dồi kiến thức ngữ pháp tiếng Trung	Trắc nghiệm	20%	Câu 11-20	2	

### Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

### III. Nội dung câu hỏi thi

Ví dụ:

**PHẦN TRẮC NGHIỆM (20 câu, 0.2 điểm/câu)**

他\_\_\_\_\_怎么努力, \_\_\_\_\_没有得到好结果。

- A. 无论……也……
- B. 只要……才能……
- C. 如果……就……
- D. 宁肯……也……

ANSWER: A

事情已经到这种地步, 你\_\_\_\_\_不承认?

- A. 还
- B. 不
- C. 没
- D. 都

ANSWER: A

他\_\_\_\_\_想去的, \_\_\_\_\_最近工作太忙, 抽不出时间。

- A. 是……不过……
- B. 不但……反而……
- C. 不是……就是……
- D. 不但……而且……

ANSWER: A

他把房间收拾得\_\_\_\_\_干净\_\_\_\_\_整齐。

- A. 又……又……
- B. 边……边……
- C. 一边……一边……
- D. 也……也……

ANSWER: A

\_\_\_\_\_昨晚醉了酒, \_\_\_\_\_今天早上他睡过了头。

- A. 因为……所以……
- B. 如果……就……
- C. 或是……或是……
- D. 要是……就……

ANSWER: A

下了大雨, 天气\_\_\_\_\_不凉快, \_\_\_\_\_比不下雨的还要热。

- A. 不但……反而……
- B. 如果……就……
- C. 不能……只能……

D. 与其……不如……

ANSWER: A

\_\_\_\_\_有机会到国外学习，你\_\_\_\_\_要抓住这个机会。

A. 要是……就……

B. 要么……要么……

C. 不仅……还……

D. 不但……还……

ANSWER: A

\_\_\_\_\_成功还是失败，我们\_\_\_\_\_要坚持到底。

A. 不管……也……

B. 不管……还……

C. 不管……又……

D. 不论……又……

ANSWER: A

爷爷告诉我，\_\_\_\_\_好好学习，\_\_\_\_\_会养成好的学习习惯。

A. 只有……才……

B. 只有……就……

C. 如果……就……

D. 要是……就……

ANSWER: A

\_\_\_\_\_他能考第一，\_\_\_\_\_他平时不懈努力学习。

A. 之所以……是因为……

B. 因为……所以……

C. 既然……就……

D. 虽然……但是……

ANSWER: A

他上课\_\_\_\_\_不学习，\_\_\_\_\_打闹，影响别人学习。

A. 不但……反而……

B. 不但……而且……

C. 哪怕……也……

D. 就是……也……

ANSWER: A

\_\_\_\_\_干实事，\_\_\_\_\_说空话。

A. 多……少……

B. 上……下……

C. 前……后……

D. 多……多……

ANSWER: A

我已经完成\_\_\_\_\_今天的工作。

- A. 了
- B. 的
- C. 地
- D. 着

ANSWER: A

\_\_\_\_\_看书对眼睛不好。

- A. 这样
- B. 这些
- C. 这几个
- D. 那几个

ANSWER: A

这部电影非常好，绝对\_\_\_\_\_一看。

- A. 值得
- B. 一直
- C. 直到
- D. 直爽

ANSWER: A

你付出了\_\_\_\_\_努力，你就会有\_\_\_\_\_的收获。

- A. 多少……多少……
- B. 什么……什么……
- C. 怎么……怎么……
- D. 怎么……怎样……

ANSWER: A

这几张照片\_\_\_\_\_我们上个月在日本拍的。

- A. 是
- B. 有
- C. 在
- D. 从

ANSWER: A

这块石\_\_\_\_\_很重，谁也拿不动。

- A. 头
- B. 员
- C. 家
- D. 者

ANSWER: A

我在工作\_\_\_\_\_经常需要和同事保持有效的沟通。

- A. 上
- B. 前
- C. 旁
- D. 里

ANSWER: A

我\_\_\_\_\_中国的一个小城市。

- A. 来自
- B. 从来
- C. 自己
- D. 自从

ANSWER: A

### PHẦN TỰ LUẬN (3 câu, 2 điểm/câu)

#### (一) 根据所给的提示词改写句子 (2 điểm 0.5 điểm/câu)

1. 那个算命的骗了小张 200 块钱。

(“被”字句 Câu chữ 被)

---

2. 他这次考得了好成绩，非常高兴，一整天<sup>xiào mī mī</sup>笑咪咪的。

(状态补语 Bổ ngữ trạng thái)

---

3. 妈妈今天包饺子，包了一百个。

(结果补语 Bổ ngữ kết quả)

---

4. 书架太小，不能放这么多书。

(放不下)

---

**(二) 用括号中的词语把句子写成含有多项定语/状语的句子 (2 điểm 0.5 điểm/câu)**

1. 这是电脑 (新、上个月、在中国买、我)

\_\_\_\_\_。

2. 他告诉了我。 (着急、把这件事)

\_\_\_\_\_。

3. 我听课。 (都、认真、每次上课)

\_\_\_\_\_。

4. 北京是城。 (一座、中国、具有悠久历史、古)

\_\_\_\_\_。

**(三) 根据所给的句子造句 (2 điểm 0.5 điểm/câu)**

1. \_\_\_\_\_。 (半个小时、昨晚、跑步)

2. \_\_\_\_\_。 (把、打扫)

3. \_\_\_\_\_。 (不是……而是、放暑假)

4. \_\_\_\_\_。 (连……也……、吃饭)

## ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
<b>I. Trắc nghiệm</b>		<b>4.0</b>	
Câu 1 – 10	1. 无论……也…… 2. 还 3. 是……不过…… 4. 又……又…… 5. 因为……所以…… 6. 不但……反而…… 7. 要是……就…… 8. 不管……也…… 9. 只要……就…… 10. 之所以……是因为……	0.2 điểm/ câu	
Câu 11 – 20	11. 不但……反而…… 12. 多……少…… 13. 了 14. 这样 15. 值得 16. 多少……多少…… 17. 是 18. 头 19. 上 20. 来自	0.2 điểm/ câu	
<b>II. Tự luận</b>		<b>6.0</b>	
<b>Phần 1</b>		2.0	GV căn cứ vào đáp án của SV chấm điểm.
<b>1</b>	小张被那个算命的骗走了 200 块钱。	0.5	
<b>2</b>	他这次考试考得了好成绩，高兴得一整天笑咪咪的。	0.5	
<b>3</b>	妈妈今天包完了一百个饺子。	0.5	
<b>4</b>	书架太小，放不下这么多书。	0.5	
			Thiếu 1 từ gợi ý - 0.1 điểm
			Sai ngữ pháp – 0.2 điểm
<b>Phần 2</b>			GV căn cứ vào
<b>1</b>	这是上个月我在中国买的新电脑。	0.5	



2	他着急地把这件事告诉了我。	0.5	đáp án của SV chấm điểm.  Thiếu 1 từ gợi ý - 0.1 điểm  Sai ngữ pháp – 0.2 điểm
3	我每次上课都认真地听课。	0.5	
4	北京是中国具有悠久历史的一座古城。	0.5	
<b>Phần 3</b>			GV căn cứ vào đáp án của SV chấm điểm.  Thiếu 1 từ gợi ý - 0.1 điểm  Sai ngữ pháp – 0.2 điểm
1	昨晚我跑步跑了半个小时。	0.5	
2	他把房间打扫得很干净。	0.5	
3	今年放暑假时我记得他不是去中国旅游，而是参加了一个汉语短期班。	0.5	
4	他最近工作特别忙，忙得吃饭的时间也没有。	0.5	
	<b>Điểm tổng</b>	<b>10.0</b>	

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 11 năm 2023

Giảng viên ra đề



*Phạm Đình Tiến*